TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 28-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP N; trụ sở: Số 198 Trần Quang Khải, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Anh Bùi Đức L, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý nợ Chi nhánh Nam Bình Dương; địa chỉ: Số 121 đường ĐT 743B, khu phố T, phường D, thành phố D1, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/09/2022). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Mai Th, sinh năm 1979; thường trú: 155/10 đường Dĩ An – Truông Tre, khu phố B, phường D, thành phố D2, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/09/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị Mai Th và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), chi nhánh Nam Bình Dương có giao kết và thực hiện giao dịch tín dụng cho vay thông qua Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 18/01/2021. Nội dung thỏa thuận như sau:

Hạn mức tín dụng: 20.000.000 đồng.

Lãi suất cho vay: 18%/năm, thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong sao kê.

Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng (trong đó trị giá thanh toán tối thiểu là 10% số dư sao kê kỳ trước cộng lũy kế trị giá thanh toán tối thiểu các kỳ trước). Phí rút tiền mặt: 4% số tiền giao dịch (tối thiểu 50.000 đồng/giao dịch). Ngoài ra, phí vượt hạn mức thực hiện theo biểu phí do Ngân hàng quy định.

Sau khi giao kết hợp đồng, Ngân hàng đã giao thẻ tín dụng cho chị Nguyễn Thị Mai Th và chị Th đã thực hiện chi tiêu một số lần, tổng cộng 23.364.541 đồng. Tính đến hết ngày 28/02/2023 tổng số nợ của chị Nguyễn Thị Mai Th là 28.937.343 đồng, cụ thể: Nợ gốc thẻ tín dụng: 14.576.322 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 4.550.326 đồng; Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thi ểu: 9.100.453 đồng; Phí vượt hạn mức: 510.242 đồng; Phí thường niên: 200.000 đồng. Quá thời hạn trả nợ đến nay, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Nam Bình Dương đã nhiều lần làm việc trực tiếp hoặc có văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng chị Nguyễn Thị Mai Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay do chị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Th phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 28/02/2023 là 28.937.343 đồng. Đồng thời yêu cầu chị Th tiếp tục chịu các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 01/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th: Quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Mai Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 22/02/2023, 28/02/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 22/02/2023 và ngày 28/02/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn: Giao dịch tín dụng cho vay theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 18/01/2021 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP N và bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[2.2] Quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Mai Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không xuất trình tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thanh toán nợ cho Ngân hàng. Căn cứ Giấy xác nhận lấy thẻ ngày 25/02/2021, các bản Sao kê tài khoản thẻ tín dụng V visa; Bảng tổng hợp gốc, lãi, phí sao kê do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định chị Th đã thực hiện chi tiêu nhiều lần thông qua thẻ tín dụng nói trên với tổng số tiền là 23.364.863 đồng, đã thanh toán được 8.788.541 đồng (trong đó tháng 3/2023 sau khi Ngân hàng khởi kiện chị Th thanh toán 1.000.000 đồng, còn nợ 14.576.322 đồng. Từ tháng 01/2023 đến nay chị Nguyễn Thị Mai Th không thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, các loại phí cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Căn cứ Biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ áp dụng cho khách hàng cá nhân tại V thể hiện lãi suất thẻ tín dụng là 18%/năm; Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng (trong đó trị giá thanh toán tối thiểu là 10% số dư sao kê kỳ trước cộng lũy kế trị giá thanh toán tối thiểu các kỳ trước). Phí rút tiền mặt: 4% số tiền giao dịch (tối thiểu 50.000 đồng/giao dịch). Ngoài ra, phí vượt hạn mức thực hiện theo biểu phí do Ngân hàng quy định. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N yêu cầu buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 28/2/2023 là 28.937.343 đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 14.576.322 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 4.550.326 đồng; Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 9.100.453 đồng; Phí vượt hạn mức: 510.242 đồng; Phí thường niên: 200.000 đồng là có căn cứ. Chị Nguyễn Thị Mai Th phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo thỏa thuận giữa hai bên.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự là 3.447.382 đồng, bị đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.447.382 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 180, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Th về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc chị Nguyễn Thị Mai Th thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 18/01/2021 tính đến hết ngày 28/02/2023 là 28.937.343 đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 14.576.322 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 4.550.326 đồng; Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 9.100.453 đồng; Phí vượt hạn mức: 510.242 đồng; Phí thường niên: 200.000 đồng.

1.2. Tiền lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 01/3/2023 cho đến khi chị Nguyễn Thị Mai Th trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất, phí thỏa thuận trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 18/01/2021.

2. Chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.447.382 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi hai) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã nộp tại Tòa án. Chị Nguyễn Thị Mai Th phải thanh toán lại cho Ngân

hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 3.447.382 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi hai) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai Th phải chịu 1.446.867 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi bảy) đồng. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N 559.815 (năm trăm năm mươi chín nghìn tám trăm mười năm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000753 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân